

CHÍNH PHỦ
Số: 153/2004/NĐ-CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 9 tháng 8 năm 2004

NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ

**Về tổ chức, quản lý tổng công ty nhà nước và chuyển
đổi tổng công ty nhà nước, công ty nhà nước độc lập
theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con**

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp nhà nước số 14/2003/QH11 ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 13/1999/QH10 ngày 12 tháng 6 năm 1999;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư,

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này hướng dẫn chi tiết thi hành Luật Doanh nghiệp nhà nước, bao gồm các nội dung sau:

- Quy định về tổ chức, quản lý Tổng công ty do Nhà nước quyết định đầu tư và thành lập và Tổng công ty do các công ty tự đầu tư và thành lập (Tổng công ty theo mô hình công ty mẹ - công ty con).
- Quy định việc chuyển đổi theo mô hình công ty mẹ - công ty con đối với:
 - Tổng công ty do Nhà nước quyết định đầu tư và thành lập.
 - Công ty thành viên hạch toán độc lập của Tổng công ty do Nhà nước quyết định đầu tư và thành lập.
 - Công ty nhà nước độc lập.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Đối tượng áp dụng Nghị định này bao gồm:

1. Tổng công ty nhà nước được thành lập theo Luật Doanh nghiệp nhà nước năm 1995 và Tổng công ty do Nhà nước quyết định đầu tư và thành lập được thành lập mới theo Luật Doanh nghiệp nhà nước năm 2003.

2. Tổng công ty do các công ty tự đầu tư và thành lập.

3. Công ty nhà nước độc lập quy mô lớn và công ty thành viên hạch toán độc lập quy mô lớn của Tổng công ty nhà nước chuyển đổi và hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con.

Điều 3. Quản lý nhà nước và quản lý của chủ sở hữu nhà nước đối với Tổng công ty nhà nước

Tổng công ty nhà nước chịu sự quản lý nhà nước của cơ quan nhà nước các cấp theo quy định của pháp luật và quản lý của đại diện chủ sở hữu theo sự phân công, phân cấp của Chính phủ. Hội đồng quản trị đại diện trực tiếp chủ sở hữu nhà nước tại Tổng công ty.

CHƯƠNG II

TỔNG CÔNG TY DO NHÀ NƯỚC QUYẾT ĐỊNH

ĐẦU TƯ VÀ THÀNH LẬP

Điều 4. Tổng công ty do Nhà nước quyết định đầu tư và thành lập

1. Tổng công ty do Nhà nước quyết định đầu tư và thành lập là hình thức liên kết và tập hợp các công ty thành viên hạch toán độc lập và các đơn vị thành viên khác theo quy định của pháp luật, có mối quan hệ gắn bó với nhau về lợi ích kinh tế, công nghệ, thị trường và các dịch vụ kinh doanh khác, hoạt động trong một hoặc một số chuyên ngành kinh tế - kỹ thuật chính, nhằm tăng cường tích tụ, tập trung vốn và chuyên môn hoá kinh doanh của các đơn vị thành viên và toàn Tổng công ty.

2. Tổng công ty có tư cách pháp nhân, có tên riêng, có con dấu, có bộ máy quản lý và điều hành, có trụ sở chính trong nước; có quyền và nghĩa vụ của công ty nhà nước theo quy định của Luật Doanh nghiệp nhà nước, hoạt động theo điều lệ của Tổng công ty và các quy định của pháp luật.

3. Tổng công ty do Nhà nước quyết định đầu tư và thành lập bao gồm Tổng công ty được tổ chức lại từ Tổng công ty thành lập theo Luật Doanh nghiệp nhà nước năm

1995 và Tổng công ty được thành lập mới theo Luật Doanh nghiệp nhà nước năm 2003. Việc tổ chức lại hoặc thành lập mới Tổng công ty thực hiện theo quy định của Chính phủ về thành lập, tổ chức lại, giải thể công ty nhà nước.

Điều 5. Điều kiện tổ chức Tổng công ty do Nhà nước quyết định đầu tư và thành lập

Điều kiện tổ chức Tổng công ty do Nhà nước quyết định đầu tư và thành lập theo quy định tại Điều 48 của Luật Doanh nghiệp nhà nước và quy định về tiêu chí, danh mục phân loại công ty nhà nước và công ty thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng công ty nhà nước do Thủ tướng Chính phủ ban hành.

Điều 6. Đơn vị thành viên Tổng công ty

1. Tổng công ty do Nhà nước quyết định đầu tư và thành lập có các đơn vị thành viên do Tổng công ty đầu tư toàn bộ vốn điều lệ, các đơn vị thành viên do Tổng công ty nắm giữ cổ phần, vốn góp chi phối.

2. Các đơn vị do Tổng công ty đầu tư toàn bộ vốn điều lệ, bao gồm:

a) Công ty thành viên hạch toán độc lập hoạt động theo Luật Doanh nghiệp nhà nước, Nghị định này và Điều lệ Tổng công ty.

b) Đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và đơn vị sự nghiệp hoạt động theo phân cấp của Tổng công ty theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty.

c) Công ty trách nhiệm hữu hạn nhà nước một thành viên được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.

d) Các doanh nghiệp do Tổng công ty đầu tư toàn bộ vốn điều lệ được thành lập ở nước ngoài, tổ chức và hoạt động theo pháp luật nước sở tại.

đ) Tùy theo quy mô và nhu cầu kinh doanh, Tổng công ty có thể có công ty tài chính được tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật về tổ chức tài chính, tín dụng, theo Điều lệ Tổng công ty và các quy định pháp luật có liên quan.

3. Các đơn vị thành viên do Tổng công ty nắm giữ cổ phần, vốn góp chi phối bao gồm:

a) Công ty cổ phần có cổ phần chi phối của Tổng công ty hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.

b) Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp chi phối của Tổng công ty hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.

c) Công ty liên doanh, trong đó Tổng công ty là đối tác giữ quyền chi phối, hoạt động theo Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

d) Các doanh nghiệp do Tổng công ty giữ cổ phần, vốn góp chi phối được thành lập ở nước ngoài, tổ chức và hoạt động theo pháp luật của nước sở tại.

Ngoài các đơn vị thành viên, Tổng công ty có thể góp vốn không chi phối vào các công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty cổ phần, công ty liên doanh với nước ngoài, công ty ở nước ngoài.

Điều 7. Vốn, tài sản và tài chính Tổng công ty

1. Vốn, tài sản và tài chính của Tổng công ty:

a) Vốn của Tổng công ty bao gồm vốn do Nhà nước đầu tư tại Tổng công ty, vốn do Tổng công ty tự huy động và các loại vốn khác theo quy định của pháp luật.

b) Vốn điều lệ của Tổng công ty là số vốn Nhà nước đầu tư và ghi trong Điều lệ Tổng công ty, bao gồm: vốn nhà nước đầu tư ban đầu, đầu tư bổ sung và vốn tự tích lũy được hạch toán tập trung ở Tổng công ty; vốn nhà nước ở công ty thành viên hạch toán độc lập; phần vốn nhà nước do Tổng công ty đầu tư và do Nhà nước trực tiếp đầu tư tại các công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty liên doanh, công ty ở nước ngoài và giao cho Tổng công ty quản lý. Khi có sự tăng giảm vốn điều lệ, Tổng công ty phải điều chỉnh kịp thời trong bảng tổng kết tài sản và đăng ký bổ sung vốn điều lệ.

c) Tài sản của Tổng công ty bao gồm: tài sản cố định và tài sản lưu động được hình thành từ vốn điều lệ của Tổng công ty, vốn vay và các nguồn vốn hợp pháp khác do Tổng công ty quản lý và sử dụng.

d) Giá trị quyền sử dụng đất được tính vào vốn của Tổng công ty theo quy định của pháp luật.

đ) Vốn ngân sách nhà nước chỉ được đầu tư thông qua Tổng công ty. Căn cứ vào nhu cầu và hiệu quả kinh doanh, Tổng công ty có quyền quyết định đầu tư, điều

chính vốn đầu tư hoặc quyết định không đầu tư vào đơn vị thành viên và các doanh nghiệp khác.

e) Lợi nhuận của Tổng công ty bao gồm: lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh, lợi nhuận từ hoạt động đầu tư tài chính và lợi nhuận từ các hoạt động khác của Tổng công ty.

g) Các quỹ của Tổng công ty bao gồm: quỹ dự phòng tài chính, quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi và các quỹ khác theo quy định của pháp luật.

2. Các quy định cụ thể về vốn, tài sản và tài chính của Tổng công ty thực hiện theo quy chế tài chính của công ty nhà nước và quản lý vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp khác do Chính phủ ban hành.

Điều 8. Cơ cấu quản lý Tổng công ty

1. Tổng công ty có cơ cấu quản lý gồm: Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, các Phó tổng giám đốc, kế toán trưởng và bộ máy giúp việc.

2. Công ty thành viên hạch toán độc lập có cơ cấu quản lý gồm: Giám đốc, các Phó giám đốc, kế toán trưởng và bộ máy giúp việc. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tiêu chuẩn của Giám đốc, Phó giám đốc, kế toán trưởng, bộ máy giúp việc theo quy định tại mục I Chương IV của Luật Doanh nghiệp nhà nước và theo Nghị định này.

3. Đơn vị sự nghiệp và đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tổng công ty có cơ cấu quản lý theo quy chế do Hội đồng quản trị Tổng công ty phê duyệt.

4. Công ty tài chính có cơ cấu quản lý theo pháp luật có liên quan về công ty tài chính và Điều lệ do Hội đồng quản trị Tổng công ty phê duyệt.

5. Đơn vị thành viên là công ty trách nhiệm hữu hạn nhà nước một thành viên, công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên trở lên, công ty cổ phần, công ty liên doanh có cổ phần hoặc vốn góp chi phối của Tổng công ty, có cơ cấu quản lý theo quy định của pháp luật về loại hình đơn vị thành viên đó.

Điều 9. Hội đồng quản trị Tổng công ty

1. Hội đồng quản trị có chức năng theo quy định tại Điều 29 của Luật Doanh nghiệp nhà nước; đại diện chủ sở hữu các đơn vị thành viên là công ty trách nhiệm hữu hạn